

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 61/2019/DS-ST
Ngày 25 tháng 11 năm 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm; Ông Bùi Quang Hợi

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Vũ Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141 /2019/TLST- DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65 /2019/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Số 130, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quang H; Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Giang (có mặt)

Bị đơn:

Chị Phan Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng nh- tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/11/2015, chị Phan Thị T làm giấy đăng ký vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ (Ngân hàng) và ngày 10/12/2015 được Ngân hàng duyệt cho chị T vay số tiền 25.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 14/12/2015 đến ngày 14/12/2017 hết hạn hợp đồng với lãi suất 9,5%/năm, mục đích vay tiêu dùng, biện pháp bảo đảm là tín chấp lương, phương thức thanh toán là trả góp hàng tháng.

Quá trình vay, chị T đã trả được Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 15.233.555đ.

Thời điểm vay, chị T đang công tác tại Công ty may Bắc Giang, khi vay có cam kết là tín chấp lương nhưng từ tháng 01/2017 chị T không trả nợ cho Ngân hàng nữa. Sau đó Ngân hàng được biết là chị T đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty may Bắc Giang. Ngân hàng đã đến nơi chị T ở để đòi nợ nhưng chị T không trả. Sau đó chị T chuyển đi nơi khác nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ mới. Nay chị T cũng không ở tại địa chỉ hộ khẩu thường trú ghi trong hợp đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T phải trả Ngân hàng số tiền còn nợ trong hạn gồm gốc là 13.075.612đ, lãi trong hạn là 1.440.833đ và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (25/11/2019) là 4.515.441đ. Tổng cả gốc và lãi là 19.031.886đ. kể từ ngày 26/11/2019 chị T chưa trả được số tiền gốc thì chị T phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho đến khi chị T trả nợ xong.

Phía bị đơn không có mặt tại địa phương nên Tòa án làm các thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về nội dung:

Căn cứ các Điều 688, 280, 463, 466, 468 BLDS; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Phan Thị T phải trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi trong hạn hợp đồng là 14.516.445 (trong đó gốc là 13.075.612đ, lãi là 1.440.833đ) và tiền lãi quá hạn theo thỏa Tận trong hợp đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai của Ngân hàng Đ, giấy đăng ký vay tiền của chị T với Ngân hàng TMCP Đ, Khoản 3 Điều 26 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ở đây là tranh chấp dân sự cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Về thẩm quyền: Giấy đăng ký vay tiền ngày 09/11/2015 được lập tại Công ty may Bắc Giang chị T có ghi hộ khẩu thường trú: phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh; tạm trú: Đình Kế, Bắc Giang. Bởi vậy, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh đã ra quyết định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang. Ngày 14/9/2018 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang ra quyết định chuyển lại vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh với lý do chị T không có đăng ký tạm trú tại Đình Kế, Bắc Giang và hiện nay chị T không làm việc tại Công ty may Bắc Giang. Căn cứ vào các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và Tòa án T thập xác định chị T hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

- Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Do chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Đ nên Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện chị Phan Thị T. Như vậy, Ngân hàng TMCP Đ tham gia với tư cách là nguyên đơn trong vụ án, chị T tham gia với tư cách là bị đơn trong vụ án. Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Đ là ông Võ Minh T - Chủ tịch hội đồng quản trị có văn bản ủy quyền cho tổng giám đốc là ông Nguyễn Thanh T. Ông Nguyễn Thanh T có văn bản ủy quyền thường xuyên cho ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Quang H. Xét thấy, các văn bản ủy quyền đúng theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Ngày 09/11/2015, chị Phan Thị T là nhân viên của Công ty may Bắc Giang làm giấy đăng ký vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ (Ngân hàng) và ngày 10/12/2015 được Ngân hàng duyệt cho chị T vay số tiền 25.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 14/12/2015 đến ngày 14/12/2017 hết hạn hợp đồng, lãi suất 9,5%/năm, mục đích vay tiêu dùng, biện pháp bảo đảm là tín chấp lương, phương thức thanh toán là trả góp gốc và lãi hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng, chị T đã nhận đủ số tiền vay và thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo thỏa Tận. Ngày 13/6/2016, chị T xin nghỉ việc và Công ty may Bắc Giang đã có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với chị T. Chị T vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của hợp đồng theo thỏa Tận được tổng số tiền gốc và lãi là 15.233.555đ, đến tháng 01/2017 thì chị T không trả nợ cho Ngân hàng nữa. Ngân hàng đã đến nơi chị T ở để đôn đốc chị T trả nợ nhưng chị T không trả. Sau đó chị T chuyển đi nơi khác nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ mới. Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và Tòa án T thập, xác định chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu Y, phường K, thành phố B, chị T có cư trú tại khu Yên, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh một thời gian ngắn, hiện tại chị T không có mặt tại địa phương, chị T không thông báo cho địa phương biết nơi cư trú mới. Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP

ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao thì việc chị T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 BLDS và cũng không thông báo cho cơ quan người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú thì theo quy định điểm e, Khoản 1 Điều 192 BLTTDS là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Do không thể tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo cho bị đơn theo quy định tại Điều 177 BLTTDS nên Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 BLTTDS đối với bị đơn là chị T.

+ Xét nội dung giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/11/2015 của chị Phan Thị T và được Ngân hàng phê duyệt ngày 10/12/2015

thể hiện ý chí hai bên khi ký kết hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hợp đồng có giá trị hiệu lực và buộc các bên phải tuân thủ. Thực hiện hợp đồng, chị T đã nhận đủ số tiền vay là 25.000.000đ, chị T có nghĩa vụ trả góp hàng tháng cả gốc và lãi đến khi hết hạn hợp đồng là 14/12/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T đã thanh toán được cả gốc và lãi là 15.233.555đ. Đến tháng 01/2017 thì chị T không thanh toán cho Ngân hàng nữa. Dù Ngân hàng đòi nhưng chị T không tiếp tục trả. Như vậy, chị T đã vi phạm thời hạn trả nợ đối với Ngân hàng Đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền gốc là 13.075.612đ là có cơ sở chấp nhận.

+ Về lãi suất: Theo giấy đăng ký vay tiền ngày 09/11/2015 được phê duyệt ngày 10/12/2015 thì lãi suất trong hạn các bên thỏa Tận là 9,5%/năm kể từ ngày 14/12/2015. Lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất vay trong hạn. Do vậy tính đến ngày 25/11/2019 lãi trong hạn là 1.440.883đ, lãi quá hạn là 4.515.441đ

Như vậy, chị T phải trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 25/11/2019 là 19.031.886đ. Kể từ 26/11/2019 chị T không trả được cho Ngân hàng thì chị T phải chịu lãi quá hạn theo thỏa Tận trong hợp đồng kể từ ngày 26/11/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 688, 280, 463, 466, 468 BLDS 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Buộc chị Phan Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền gốc 13.075.612đ, lãi trong hạn 1.440.883, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (25/11/2019) là 4.515.441đ. Tổng cộng là 19.031.886đ (mười chín triệu không trăm ba mươi một nghìn tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng)

Kể từ 26/11/2019 chị T không trả được cho Ngân hàng thì chị T phải chịu lãi quá hạn theo thỏa Tận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu 951.594.đ (Chín trăm năm mươi một nghìn năm trăm chín tư đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng Đ 382.000.đ (ba trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000849 ngày 10/5/2018 .

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết kết quả bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ngọc Anh